

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: II - Năm học: 2023 - 2024

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Lớp CCQ2310C;D

Số tín chỉ: 05

CBGD: Nguyễn Thanh Hà

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	BP.5	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123100087	Trình Thị Diệu	Ái	16/08/1996	Kế toán C	8.4	6.0	8.0	9.0	9.0	8.3	
2	2123100125	Võ Trương Thế Khả	Ái	31/12/2005	Kế toán D	8.4	6.4	8.0	7.7	9.0	8.0	
3	2123100110	Đặng Mỹ	Anh	12/12/2005	Kế toán D	7.4	6.4	7.0	10.0	9.0	8.4	
4	2123100082	Dương Thị Huỳnh	Anh	19/03/2005	Kế toán C	8.4	7.2	8.0	8.3	9.0	8.3	
5	2123100298	Nguyễn Thị Trúc	Đào	24/05/2005	Kế toán C	8.4	8.0	8.0	8.7	9.0	8.5	
6	2123100074	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	03/01/2005	Kế toán C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	2123100099	Nguyễn Thu	Diệu	25/09/2005	Kế toán C	7.8	8.2	8.5	7.0	10.0	8.4	
8	2123100257	Hồ Thị Ngọc	Dung	10/06/2005	Kế toán C	8.0	8.6	7.5	7.0	9.0	8.0	
9	2123100304	Đặng Thị Tường	Duy	25/01/2005	Kế toán C	8.2	7.6	9.0	9.7	5.0	7.7	
10	2123100305	Lê Thị Phụng	Hằng	31/01/2003	Kế toán D	8.8	7.8	8.0	9.0	9.0	8.7	
11	2123100089	Nguyễn Thị Nguyệt	Hằng	12/11/2005	Kế toán C	8.2	6.8	7.0	7.0	9.0	7.7	
12	2123100134	Phan Thị Mỹ	Hằng	07/12/2005	Kế toán D	7.8	7.0	7.0	7.7	9.0	7.9	
13	2123100093	Trần Ngọc	Hằng	15/08/2003	Kế toán C	8.0	8.0	9.0	7.0	10.0	8.4	
14	2123100075	Võ Thị Minh	Hiếu	10/10/2005	Kế toán C	6.8	8.0	7.8	10.0	9.0	8.7	
15	2123100139	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	20/08/1997	Kế toán D	7.4	7.4	8.0	9.7	9.0	8.6	
16	2123100083	Bùi Ngọc Vy	Huyền	30/01/2005	Kế toán C	7.8	6.6	8.0	7.7	9.0	8.0	
17	2123100130	Đỗ Thị Minh	Huyền	26/11/2005	Kế toán D	8.0	7.2	8.0	8.3	9.0	8.3	
18	2123100307	Nguyễn Thu	Huyền	30/10/2003	Kế toán D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
19	2123100144	Nguyễn Trúc	Huyền	02/01/2005	Kế toán D	7.6	8.8	7.5	8.0	9.0	8.3	
20	2123100090	Lương Thị Thúy	Kiều	05/10/2004	Kế toán C	7.0	6.4	8.0	7.7	9.0	7.8	
21	2123100098	Phan Thị Bích	Lam	20/08/2005	Kế toán C	8.0	8.8	7.5	5.3	9.0	7.6	
22	2123100123	Lê Thị Dương	Linh	02/06/2005	Kế toán D	9.6	7.2	7.0	9.7	9.0	8.7	
23	2123100078	Lê Thị Mỹ	Linh	14/02/2005	Kế toán C	8.0	8.8	7.5	9.3	9.0	8.7	
24	2123100081	Nguyễn Hoàng Ánh	Linh	25/10/2005	Kế toán C	7.8	8.4	7.8	4.7	4.0	5.9	
25	2123100115	Trần Khánh	Linh	20/01/2005	Kế toán D	8.0	7.6	9.0	9.0	9.0	8.7	

26	2123100088	Văn Thị Ngọc	Linh	19/08/2002	Kế toán C	8.6	9.0	8.8	10.0	10.0	9.5	
27	2123100129	Nguyễn Thị Trúc	Ly	18/01/2005	Kế toán D	8.2	6.4	7.0	5.3	9.0	7.2	
28	2123100118	Lê Thị Diễm	Mi	16/02/2005	Kế toán D	8.0	8.6	7.5	7.7	9.0	8.2	
29	2123100114	Đoàn Thị	Miên	12/11/2005	Kế toán D	8.6	8.4	7.5	8.3	9.0	8.4	
30	2123100085	Vũ Thị Thúy	Nga	08/03/2005	Kế toán C	7.2	6.8	7.0	9.7	9.0	8.3	
31	2123100102	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	25/10/2005	Kế toán C	8.0	8.4	7.5	7.0	9.0	8.0	
32	2123100141	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/10/2002	Kế toán D	8.6	8.0	7.8	9.3	9.0	8.7	
33	2123100126	Trần Thị Ngọc	Ngân	04/06/2004	Kế toán D	7.8	7.0	8.0	7.0	9.0	7.8	
34	2123100086	Võ Bé	Ngọc	16/02/2004	Kế toán C	7.2	7.8	7.5	5.7	9.0	7.4	
35	2123100117	Đinh Hoàng Thiên	Nhã	27/03/2005	Kế toán D	7.0	8.4	7.5	9.0	9.0	8.4	
36	2123100164	Phùng Lê Thanh	Nhàn	13/08/2005	Kế toán D	8.4	7.8	8.0	10.0	10.0	9.2	
37	2123100131	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/03/2004	Kế toán D	7.4	6.8	7.0	9.3	9.0	8.3	
38	2123100072	Trương Ngọc	Nhi	20/07/2005	Kế toán C	7.6	7.0	7.0	8.3	9.0	8.0	
39	2123100092	Nguyễn Tâm	Như	28/04/2005	Kế toán C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
40	2123100145	Trần Thị Yến	Như	09/03/2005	Kế toán D	8.4	8.2	7.0	10.0	9.0	8.8	
41	2123100112	Đặng Thị Mỹ	Ni	17/12/2005	Kế toán D	7.2	6.8	8.0	8.0	9.0	8.0	
42	2123100295	Phan Thị Ngọc	Niêm	01/01/2005	Kế toán C	8.8	8.2	9.0	9.0	10.0	9.1	
43	2123100084	Nguyễn Thị Kim	Oanh	29/12/2005	Kế toán C	7.4	7.4	7.0	7.7	9.0	7.9	
44	2123100122	Nguyễn Lê Uyên	Phương	02/09/2005	Kế toán D	8.2	8.4	7.8	8.3	4.0	7.0	
45	2123100094	Võ Thị Trúc	Phương	22/12/2005	Kế toán C	8.2	7.4	7.8	10.0	4.0	7.3	
46	2123100226	Đinh Thị Như	Quỳnh	21/10/2002	Kế toán C	6.6	8.0	7.0	5.0	9.0	7.1	
47	2123100097	Hồ Thị Như	Quỳnh	02/10/2005	Kế toán C	8.0	8.2	7.8	6.0	9.0	7.7	
48	2123100077	Nguyễn Ánh	Sương	15/08/2005	Kế toán C	8.0	7.4	8.0	7.7	9.0	8.1	
49	2123100136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/12/2005	Kế toán D	7.2	7.0	7.0	9.3	9.0	8.3	
50	2123100124	Trần Thị Thanh	Thảo	08/07/2005	Kế toán D	7.6	7.0	7.8	10.0	9.0	8.6	
51	2123100116	Trương Thị Mỹ	Thảo	03/12/2005	Kế toán D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
52	2123100135	Võ Thị Ngọc	Thu	04/08/2005	Kế toán D	7.6	8.8	7.5	8.0	9.0	8.3	
53	2123100113	Nguyễn Lê Anh	Thư	09/08/2004	Kế toán D	7.4	7.0	8.0	5.3	9.0	7.3	
54	2123100076	Trần Thị Anh	Thư	23/05/2005	Kế toán C	7.6	7.0	8.0	7.0	9.0	7.8	
55	2123100106	Nguyễn Thị Kim	Thương	16/02/2005	Kế toán C	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.6	
56	2123100073	Phạm Hoài	Thương	25/03/2005	Kế toán C	6.4	6.4	7.8	8.3	9.0	7.9	
57	2123100128	Lê Thị	Thúy	01/03/2005	Kế toán D	6.4	6.8	7.0	9.7	9.0	8.2	
58	2123100111	Phạm Huỳnh Thanh	Thúy	21/09/2005	Kế toán D	7.0	7.6	7.0	8.7	9.0	8.1	
59	2123100119	Hồ Thị Thanh	Thúy	27/01/2005	Kế toán D	6.8	6.8	7.0	9.3	9.0	8.2	
60	2123100107	Nguyễn Thị Anh	Thy	24/05/2005	Kế toán D	6.0	7.0	7.0	7.7	9.0	7.6	
61	2123100079	Lê Nguyễn Quỳnh	Trâm	04/06/2005	Kế toán C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
62	2123100103	Bùi Thị Thu	Trang	14/10/2004	Kế toán C	8.0	7.0	8.0	4.7	9.0	7.2	
63	2123100101	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	Kế toán C	7.0	6.2	7.0	8.0	9.0	7.7	

64	2123100121	Nguyễn Lê Phương	Trình	28/02/2005	Kế toán D	8.6	8.2	8.0	9.7	9.0	8.9	
65	2123100091	Nguyễn Phạm Kiều	Trình	22/08/2005	Kế toán C	8.4	8.2	7.0	8.3	9.0	8.3	
66	2123100120	Trương Vũ Huyền	Trình	03/03/2005	Kế toán D	7.2	7.2	7.0	8.0	9.0	7.9	
67	2123100108	Nguyễn Thị	Trúc	25/08/2005	Kế toán D	7.4	7.0	8.0	6.0	10.0	7.8	
68	2123100137	Phùng Thanh	Trúc	29/06/2005	Kế toán D	8.6	6.8	7.0	8.0	9.0	8.1	
69	2123100104	Trần Thị Diệu	Uyên	02/03/2005	Kế toán C	8.4	7.4	8.0	9.0	9.0	8.5	
70	2123100127	Nguyễn Thị Thùy	Văn	11/03/2005	Kế toán D	8.4	8.2	7.0	10.0	9.0	8.8	
71	2123100080	Hồ Thị Tuyết	Vy	19/08/2005	Kế toán C	8.6	8.4	7.5	7.0	9.0	8.1	
72	2123100109	Phạm Thị Như	Yến	12/08/2005	Kế toán D	6.0	6.8	8.0	8.3	9.0	7.9	

Tp. HCM, ngày 05 tháng 03 năm 2024
Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: II - Năm học: 2023 - 2024

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Lớp CCQ2310C ;D
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/Học phần
1	2123100087	Trình Thị Diệu	Ái	16/08/1996	Kế toán C	8.3	7.4	7.8
2	2123100125	Võ Trương Thế Khả	Ái	31/12/2005	Kế toán D	8.0	6.8	7.3
3	2123100110	Đặng Mỹ	Anh	12/12/2005	Kế toán D	8.4	7.0	7.6
4	2123100082	Dương Thị Huỳnh	Anh	19/03/2005	Kế toán C	8.3	6.8	7.4
5	2123100298	Nguyễn Thị Trúc	Đào	24/05/2005	Kế toán C	8.5	7.4	7.9
6	2123100074	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	03/01/2005	Kế toán C	0.0	0.0	0.0
7	2123100099	Nguyễn Thu	Diệu	25/09/2005	Kế toán C	8.4	8.0	8.1
8	2123100257	Hồ Thị Ngọc	Dung	10/06/2005	Kế toán C	8.0	8.4	8.2
9	2123100304	Đặng Thị Tường	Duy	25/01/2005	Kế toán C	7.7	7.2	7.4
10	2123100305	Lê Thị Phụng	Hằng	31/01/2003	Kế toán D	8.7	7.8	8.1
11	2123100089	Nguyễn Thị Nguyệt	Hằng	12/11/2005	Kế toán C	7.7	6.8	7.2
12	2123100134	Phan Thị Mỹ	Hằng	07/12/2005	Kế toán D	7.9	6.4	7.0
13	2123100093	Trần Ngọc	Hằng	15/08/2003	Kế toán C	8.4	7.8	8.1
14	2123100075	Võ Thị Minh	Hiếu	10/10/2005	Kế toán C	8.7	8.0	8.3
15	2123100139	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	20/08/1997	Kế toán D	8.6	7.4	7.9
16	2123100083	Bùi Ngọc Vy	Huyền	30/01/2005	Kế toán C	8.0	7.4	7.6
17	2123100130	Đỗ Thị Minh	Huyền	26/11/2005	Kế toán D	8.3	7.0	7.5
18	2123100307	Nguyễn Thu	Huyền	30/10/2003	Kế toán D	0.0	0.0	0.0
19	2123100144	Nguyễn Trúc	Huyền	02/01/2005	Kế toán D	8.3	7.0	7.5

20	2123100090	Lương Thị Thúy	Kiều	05/10/2004	Kế toán C	7.8	7.0	7.3
21	2123100098	Phan Thị Bích	Lam	20/08/2005	Kế toán C	7.6	8.2	7.9
22	2123100123	Lê Thị Dương	Linh	02/06/2005	Kế toán D	8.7	6.4	7.3
23	2123100078	Lê Thị Mỹ	Linh	14/02/2005	Kế toán C	8.7	8.0	8.3
24	2123100081	Nguyễn Hoàng Ánh	Linh	25/10/2005	Kế toán C	5.9	8.2	7.3
25	2123100115	Trần Khánh	Linh	20/01/2005	Kế toán D	8.7	7.2	7.8
26	2123100088	Văn Thị Ngọc	Linh	19/08/2002	Kế toán C	9.5	8.2	8.7
27	2123100129	Nguyễn Thị Trúc	Ly	18/01/2005	Kế toán D	7.2	7.2	7.2
28	2123100118	Lê Thị Diễm	Mi	16/02/2005	Kế toán D	8.2	8.2	8.2
29	2123100114	Đoàn Thị	Miên	12/11/2005	Kế toán D	8.4	7.6	7.9
30	2123100085	Vũ Thị Thúy	Nga	08/03/2005	Kế toán C	8.3	6.4	7.2
31	2123100102	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	25/10/2005	Kế toán C	8.0	8.2	8.1
32	2123100141	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/10/2002	Kế toán D	8.7	8.4	8.5
33	2123100126	Trần Thị Ngọc	Ngân	04/06/2004	Kế toán D	7.8	6.8	7.2
34	2123100086	Võ Bé	Ngọc	16/02/2004	Kế toán C	7.4	7.8	7.6
35	2123100117	Đinh Hoàng Thiên	Nhã	27/03/2005	Kế toán D	8.4	8.2	8.3
36	2123100164	Phùng Lê Thanh	Nhàn	13/08/2005	Kế toán D	9.2	6.8	7.7
37	2123100131	Nguyễn Thị Yên	Nhi	28/03/2004	Kế toán D	8.3	8.2	8.2
38	2123100072	Trương Ngọc	Nhi	20/07/2005	Kế toán C	8.0	7.2	7.5
39	2123100092	Nguyễn Tâm	Như	28/04/2005	Kế toán C	0.0	0.0	0.0
40	2123100145	Trần Thị Yên	Như	09/03/2005	Kế toán D	8.8	7.6	8.1
41	2123100112	Đặng Thị Mỹ	Ni	17/12/2005	Kế toán D	8.0	6.8	7.3
42	2123100295	Phan Thị Ngọc	Niệm	01/01/2005	Kế toán C	9.1	7.0	7.9
43	2123100084	Nguyễn Thị Kim	Oanh	29/12/2005	Kế toán C	7.9	7.0	7.4
44	2123100122	Nguyễn Lê Uyên	Phương	02/09/2005	Kế toán D	7.0	8.4	7.8
45	2123100094	Võ Thị Trúc	Phương	22/12/2005	Kế toán C	7.3	8.2	7.9
46	2123100226	Đinh Thị Như	Quỳnh	21/10/2002	Kế toán C	7.1	6.0	6.4
47	2123100097	Hồ Thị Như	Quỳnh	02/10/2005	Kế toán C	7.7	8.4	8.1
48	2123100077	Nguyễn Ánh	Sương	15/08/2005	Kế toán C	8.1	5.8	6.7
49	2123100136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/12/2005	Kế toán D	8.3	7.0	7.5
50	2123100124	Trần Thị Thanh	Thảo	08/07/2005	Kế toán D	8.6	8.2	8.4
51	2123100116	Trương Thị Mỹ	Thảo	03/12/2005	Kế toán D	0.0	0.0	0.0
52	2123100135	Võ Thị Ngọc	Thu	04/08/2005	Kế toán D	8.3	8.0	8.1
53	2123100113	Nguyễn Lê Anh	Thư	09/08/2004	Kế toán D	7.3	8.2	7.8
54	2123100076	Trần Thị Anh	Thư	23/05/2005	Kế toán C	7.8	8.2	8.0
55	2123100106	Nguyễn Thị Kim	Thương	16/02/2005	Kế toán C	8.6	7.8	8.1
56	2123100073	Phạm Hoài	Thương	25/03/2005	Kế toán C	7.9	6.2	6.9
57	2123100128	Lê Thị	Thúy	01/03/2005	Kế toán D	8.2	5.8	6.8

58	2123100111	Phạm Huỳnh Thanh	Thúy	21/09/2005	Kế toán D	8.1	7.8	7.9
59	2123100119	Hồ Thị Thanh	Thúy	27/01/2005	Kế toán D	8.2	8.4	8.3
60	2123100107	Nguyễn Thị Anh	Thy	24/05/2005	Kế toán D	7.6	7.6	7.6
61	2123100079	Lê Nguyễn Quỳnh	Trâm	04/06/2005	Kế toán C	0.0	0.0	0.0
62	2123100103	Bùi Thị Thu	Trang	14/10/2004	Kế toán C	7.2	7.0	7.1
63	2123100101	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	Kế toán C	7.7	8.0	7.9
64	2123100121	Nguyễn Lê Phương	Trình	28/02/2005	Kế toán D	8.9	8.4	8.6
65	2123100091	Nguyễn Phạm Kiều	Trình	22/08/2005	Kế toán C	8.3	7.8	8.0
66	2123100120	Trương Vũ Huyền	Trình	03/03/2005	Kế toán D	7.9	7.0	7.4
67	2123100108	Nguyễn Thị	Trúc	25/08/2005	Kế toán D	7.8	7.4	7.5
68	2123100137	Phùng Thanh	Trúc	29/06/2005	Kế toán D	8.1	7.4	7.7
69	2123100104	Trần Thị Diệu	Uyên	02/03/2005	Kế toán C	8.5	7.4	7.9
70	2123100127	Nguyễn Thị Thùy	Văn	11/03/2005	Kế toán D	8.8	8.0	8.3
71	2123100080	Hồ Thị Tuyết	Vy	19/08/2005	Kế toán C	8.1	8.0	8.0
72	2123100109	Phạm Thị Như	Yến	12/08/2005	Kế toán D	7.9	8.0	8.0

Tp. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2024
Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà